

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: ĐẠI HỌC
NGÀNH: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

1. Tên học phần:

Tiếng Việt: *Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí*

Tiếng Anh: *Special English for Automobile engineering*

Mã số học phần: ĐHCQ0278

Số tín chỉ học phần: 2 (2,0)

Số tiết học phần:

Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành: 0 giờ; Tự học: 70 giờ

2. Đơn vị quản lý học phần:

2.1. Giảng viên giảng dạy:

1. ThS. Vũ Thị Thái

2. ThS. Ngô Hải Yên

2.2. Bộ môn: Ngoại ngữ

2.3. Khoa: Khoa học cơ bản

3. Điều kiện học học phần

Sinh viên học xong học phần tiếng Anh cơ bản 1,2.

4. Mục tiêu của học phần:

Cung cấp cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí từ vựng và cấu trúc ngữ pháp được sử dụng phổ biến trong tài liệu chuyên ngành hiện nay bằng tiếng Anh.

4.1. Kiến thức:

4.1.1. Hiểu biết được những kiến thức chuyên môn Công nghệ kỹ thuật cơ khí bằng tiếng Anh.

4.1.2. Hiểu biết cơ bản về các từ vựng tiếng Anh hay sử dụng trong Công nghệ kỹ thuật cơ khí (tùy thuộc vào từng chủ đề).

4.1.3. Hiểu biết về cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh hay dùng trong Công nghệ kỹ thuật cơ khí (tùy thuộc vào từng chủ đề)

4.2. Kỹ năng:

4.2.1. Ghi nhớ từ vựng theo từng chủ đề

4.2.2. Ghi nhớ cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề.

4.2.3. Đọc và dịch các tài liệu chuyên môn về Công nghệ kỹ thuật cơ khí.

4.2.4. Trình bày một vấn đề chuyên môn bằng Tiếng Anh

5. Chuẩn đầu ra học phần

Sau khi hoàn thành việc học học phần này, sinh viên có thể:

1. Áp dụng kiến thức cơ sở ngành trong việc đọc và hiểu tài liệu chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí bằng Tiếng Anh.

2. Phát triển được tính năng sáng tạo và nghiêm túc trong quá trình học tập và làm việc.

3. Có kỹ năng sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong công việc, đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

4. Khả năng làm việc độc lập, nhóm.

6. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần được thực hiện với mục tiêu trang bị những kiến thức cơ bản về các kỹ năng đọc, viết, dịch các thuật ngữ và các tình huống trong lĩnh vực cơ khí ô tô. Từ đó sinh viên nắm vững, thực hành thường xuyên để vận dụng một cách hiệu quả và linh động vào thực tiễn học tập cũng như làm việc.

Học phần gồm 7 đơn vị bài học. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: Các loại ô tô, các bộ phận cơ bản của một chiếc xe ô tô, phân loại động cơ, hệ thống cung cấp nhiên liệu của động cơ xăng, hệ thống cung cấp nhiên liệu của động cơ dầu, kiểm soát tốc độ của động cơ và hệ thống kiểm soát khí thải.

7. Cấu trúc nội dung học phần

Đề mục	Nội dung	Số tiết			Mục tiêu
		Tổng	Lý thuyết	TH/TN	
Unit 1	TYPES OF AUTOMOBILES	4			4.1.1
1.1	Vocabulary:				4.1.2
	- Words		1		4.1.3
	- Phrases				4.2.1
	- Idioms				4.2.2
	- Text annotation				4.2.3
1.2	Reading and Translating		2		4.2.4
	- Types of Automobiles				
1.3	Exercises		1		
Unit 2	THE BASIC COMPONENTS OF AN AUTOMOBILE	4			4.1.1
1.1	Vocabulary:				4.1.2
	- Words		1		4.1.3
	- Phrases				4.2.1
	- Idioms				4.2.2
	- Text annotation				4.2.3
1.2	Reading and Translating		2		4.2.4
	- The basic components of an automobile				
1.3	Exercises		1		

Đề mục	Nội dung	Số tiết			Mục tiêu
		Tổng	Lý thuyết	TH/TN	
Unit 3	ENGINE CLASSIFICATION	4			4.1.1
1.1	Vocabulary: - Words - Phrases - Idioms - Text annotation		1		4.1.2 4.1.3 4.2.1 4.2.2 4.2.3
1.2	Reading and Translating - Engine classification		2		4.2.4
1.3	Exercises		1		
Unit 4	FUEL SUPPLY SYSTEM OF GASOLINE ENGINE	4			4.1.1
1.1	Vocabulary: - Words - Phrases - Idioms - Text annotation		1		4.1.2 4.1.3 4.2.1 4.2.2 4.2.3 4.2.4
1.2	Reading and Translating - Fuel supply system of		2		
1.3	gasoline Exercises		1		
TEST	MIDTERM TEST	1			4.1.1 4.1.2 4.1.3 4.2.1 4.2.2 4.2.3 4.2.4
Unit 5	DIESEL ENGINE FUEL SYSTEM	4			4.1.1
1.1	Vocabulary: - Words - Phrases - Idioms - Text annotation		1		4.1.2 4.1.3 4.2.1 4.2.2 4.2.3 4.2.4
1.2	Reading and Translating - Diesel engine fuel system		2		
1.3	Exercises		1		



Đề mục	Nội dung	Số tiết			Mục tiêu
		Tổng	Lý thuyết	TH/TN	
Unit 6	ENGINE SPEED	4	1		4.1.1
1.1	GOVERNING				4.1.2
	Vocabulary:				4.1.3
	- Words		4.2.1		
	- Phrases		4.2.2		
	- Idioms		4.2.3		
1.2	- Text annotation	2			4.2.4
	Reading and Translating				
1.3	- Types of Automobiles	1			
	Exercises				
Unit 7	EMISSION CONTROL	4	1		4.1.1
1.1	SYSTEM				4.1.2
	Vocabulary:				4.1.3
	- Words		4.2.1		
	- Phrases		4.2.2		
	- Idioms		4.2.3		
1.2	- Text annotation	2			4.2.4
	Reading and Translating				
1.3	- Types of Automobiles	1			
	Exercises				
REVIEW	REVISION FOR FINAL EXAM	1			

8. Phương pháp giảng dạy

- Phương pháp thuyết trình.
- Phương pháp thảo luận cặp, nhóm.
- Phương pháp phỏng vấn.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 70% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia và hoàn thành đầy đủ các buổi thảo luận, bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo mục 12.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết. Ý thức tham gia các hoạt động học tập	10%	Sinh viên không tham dự đủ 70% số tiết học trên lớp thì không được dự thi kết thúc học phần
2	Điểm quá trình	1 bài kiểm tra trắc nghiệm + tự luận. (45')	30%	
3	Thi kết thúc học phần	1 bài thi KTHP: trắc nghiệm + tự luận. (60')	60%	

10.2. Cách tính điểm:

Điểm học phần bao gồm điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần thực hiện theo công thức sau:

$$\boxed{\text{Điểm học phần}} = \boxed{\text{Điểm chuyên cần} \times 0.1} + \boxed{\text{Điểm quá trình} \times 0.3} + \boxed{\text{Điểm thi kết thúc học phần} \times 0.6}$$

Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy chế đào tạo của Nhà trường.

11. Tài liệu học tập:

Tài liệu chính:

[1]. Quang Hùng, Phạm Đường, *Tiếng Anh cơ khí ô tô (Special English for Automobile Engine)*, NXB Giao thông vận tải

12. Hướng dẫn tự học của học phần

Bài	Nội dung	LT (tiết)	BT (tiết)	TH (tiết)	Sinh viên cần chuẩn bị
1	Unit 1: Types of Automobile	2	2,5		- Làm bài tập số I, II, III, IV (trang 14-18) – Tài liệu [1] - Dịch bài đọc: Layout of an Automobile – Tài liệu [1]
	- 1.1; 1.2 - 1.3	2	2,5		
2	Unit 2: The basic components of an Automobile	2	2,5		- Làm bài tập số I, II, III, IV (trang 29-32) – Tài liệu [1] - Dịch bài đọc: Automobile construction – Tài liệu [1]
	- 1.1; 1.2 - 1.3	2	2,5		
3	Unit 3: Engine classification	2	2,5		- Làm bài tập số I, II, III, IV (trang 45-48) – Tài liệu [1] - Dịch bài đọc: Engine



Bài	Nội dung	LT (tiết)	BT (tiết)	TH (tiết)	Sinh viên cần chuẩn bị
	- 1.3	2	2,5		Maintenance – Tài liệu [1]
4	Unit 4: Fuel supply system of gasoline engine - 1.1; 1.2 - 1.3	2 2	2,5 2,5		- Làm bài tập số I, II, III, IV (trang 107-111) – Tài liệu [1] - Dịch bài đọc: The carburetor of gasoline engine – Tài liệu [1]
5	Revision for midterm test	1,5	1,5		- Ôn tập toàn bộ Unit 1 đến Unit 4
6	Unit 5: Diesel Engine Fuel System - 1.1; 1.2 - 1.3	2 2	2,5 2,5		- Làm bài tập số I, II, III, IV (trang 123-128) – Tài liệu [1] - Dịch bài đọc: Fuel injectors and fuel line – Tài liệu [1]
7	Unit 6: Engine Speed Governing - 1.1; 1.2 - 1.3	2 2	2,5 2,5		- Làm bài tập số I, II, III, IV (trang 139-143) – Tài liệu [1] - Dịch bài đọc: – Tài liệu [1] Fuel system troubles
8	Unit 7: Emission Control System - 1.1; 1.2 - 1.3	2 2	2,5 2,5		- Làm bài tập số I, II, III, IV (trang 154, 155) – Tài liệu [1]
9	Review for the final exam	2	2		Ôn tập từ Unit 1- Unit 7 (Dựa vào đề cương ôn tập)

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 8 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Hùng Thắng

TRƯỞNG BỘ MÔN

ThS. Bùi Thị Huyền

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

ThS. Vũ Thị Thái